

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/DS-ST
Ngày: 30/12/2022
V/v “*Tranh chấp di sản thừa kế*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tím

Các Hội thẩm nhân dân:

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Bun - Cán bộ Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Hữu -Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 155/2021/TLST – DS, ngày 08 tháng 10 năm 2021, về việc “*Kiên tranh chấp di sản thừa kế*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXXST-DS, ngày 25 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: - Cụ Đinh Thị X; Địa chỉ: Thôn S, xã Ph, huyện X, tỉnh Quảng Nam.

Người được nguyên đơn cụ Đinh Thị X ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh Th – Có mặt.

- Bà Văn Thị S; bà Nguyễn Thị Thanh Th; bà Nguyễn Thị Hoàng Y; ông Nguyễn Đức T₁; ông Nguyễn Đức T₂; Cùng địa chỉ: Tổ 5 H, xã L, thị xã L, tỉnh Bình Phước.

Người được các nguyên đơn bà Văn Thị S; bà Nguyễn Thị Thanh Th; ông Nguyễn Đức T₁; ông Nguyễn Đức T₂ ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu H; địa chỉ: Số 17 Phan Ch, phường 2, quận Th, TP Hồ Chí Minh – Có mặt.

Bà Nguyễn Thị Hoàng Y; Địa chỉ: Tổ 4 H, xã L, thị xã L, tỉnh Bình Phước.

Bà Nguyễn Thị Thanh Ng; Địa chỉ: Tổ 5 H, xã L, thị xã L, tỉnh Bình Phước – Vắng mặt.

Người được nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoàng Y ủy quyền: Ông Vũ Công Tr; địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện Q, tỉnh Bình Phước – Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Võ Đình V (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt), Trần Thị G– Có mặt; Địa chỉ: Thôn Th xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

- Bà Văn Thị S (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt), bà Nguyễn Thị S, cháu Nguyễn Thị Cẩm T, Nguyễn Anh Tr và Nguyễn Thị Tú Tr. Người đại diện hợp pháp của các cháu

Nguyễn Thị Cẩm T, Nguyễn Anh Tr và Nguyễn Thị Tú Tr: Bà Nguyễn Thị S là mẹ đẻ của các cháu.

Người được bà Nguyễn Thị S và các cháu Nguyễn Thị Cẩm T, Nguyễn Anh Tr và Nguyễn Thị Tú Tr ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh Th – Có mặt.

Bị đơn: Bà Đỗ Thị H; địa chỉ: Thôn Th, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông – Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích của bà H: Luật sư Nguyễn Khánh L - Công ty Luật TNHH MTV Nguyễn Khánh L & cộng sự tại Đắk Nông. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn, người được các nguyên đơn ủy quyền trình bày: Ông Nguyễn B và bà Văn Thị S là vợ chồng kết hôn năm 1976, đến năm 1994 ông B lên huyện K để mua đất canh tác, sản xuất. Đến năm 2016 ông Nguyễn B chết không để lại di chúc, tài sản mà ông B để lại gồm: Hai thửa đất gồm thửa đất số 68, tờ bản đồ số 53 với diện tích 7.872,6 m², đất trồng và thửa đất số 42, tờ bản đồ số 13 với diện tích 1.993,1m², trên đất có cây cà phê kinh doanh. Khi ông B lên trên huyện K làm kinh tế thì có chung sống với bà Đỗ Thị H (không đăng ký kết hôn). Do ông B chết không để lại di chúc nên nay các nguyên đơn gồm: Cụ Đinh Thị X, bà Văn Thị S; bà Nguyễn Thị Thanh Th; bà Nguyễn Thị Thanh Ng; ông Nguyễn Đức T₁; ông Nguyễn Đức T₂ và bà Nguyễn Thị S (vợ ông Nguyễn Thanh Q) yêu cầu Tòa án chia tài sản mà ông B để lại là hai thửa trên như sau: Bà Văn Thị S được nhận ½ giá trị tài sản, còn ½ giá trị tài sản được chia cho các thừa kế của ông B sau khi được trừ đi các nghĩa vụ của ông B để lại.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Thu Th có nguyện vọng được quản lý, sử dụng toàn bộ kỹ phần mà các đương sự được hưởng di sản thừa kế của ông Nguyễn B và ½ giá trị tài sản của bà S (trong khối tài sản chung là 224.467.000 đồng) là tài sản thuộc thửa đất số 42, tờ bản đồ số 13 diện tích 2.335m², thửa đất tọa lạc tại thôn Đ, xã S, huyện K, tỉnh Đắk Nông, được UBND huyện Krông Nô cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 271950, ngày 20/7/2010 mang tên ông Nguyễn B; diện tích thực tế theo đo đạc, thẩm định ngày 31/3/2022: 1.993,1m², có tứ cận như sau: Phía đông giáp trạm phát sóng VNPT, phía tây giáp đất bà Trần Thị G, phía Nam giáp suối, phía bắc giáp đường nhựa liên xã; Tài sản trên đất gồm: Tài sản trên đất gồm có: cây cà phê phục hồi kinh doanh năm thứ 1 đến năm thứ 2, loại C: 150 cây; Hồ tiêu kinh doanh năm thứ 3 trở đi loại C: 19 trụ; Cây điều kinh doanh năm thứ 3 trở đi loại C: 03 cây; Cây Mắc ca kinh doanh năm thứ 3 trở đi loại C: 02 cây; Cây măng cầu kinh doanh năm thứ 3 trở đi: 01 cây; Cây sầu riêng thường kinh doanh năm thứ 3 trở đi: 01 cây và thửa đất số 68, tờ bản đồ số 53, diện tích 2.873m², tọa lạc tại thôn Đ, xã S, huyện K, tỉnh Đắk Nông, được UBND huyện Krông Nô cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 871454, ngày 01/12/2008 mang tên ông Nguyễn B; diện tích thực tế theo đo đạc, thẩm định ngày 31/3/2022: 7.872,6m², có tứ cận như: phía đông giáp đất ông Nguyễn An V, phía tây giáp đất ông Nguyễn Thanh V, phía nam giáp đất ông Nguyễn An V, phía bắc giáp suối. Tài sản trên đất gồm có: cà phê phục hồi chăm sóc năm thứ 2: 42 cây, điều kinh doanh năm thứ 3 trở đi: 01 cây. Bà

Th sẽ có trách nhiệm thanh toán cho Cụ Đình Thị X, bà Văn Thị S bà Nguyễn Thị Hoàng Y; ông Nguyễn Đức T₁; ông Nguyễn Đức T₂ và người đại diện nhận kỹ phần của ông Nguyễn Thanh Q giá trị kỹ phần mà mỗi người được hưởng di sản thừa kế của ông Nguyễn B bằng tiền.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Văn Thị S; ông Nguyễn Đức T₁; ông Nguyễn Đức T₂ đề nghị giao cho bà Nguyễn Thị Thanh Th được quyền quản lý, toàn bộ kỹ phần mà các đương sự được hưởng di sản thừa kế của ông Nguyễn B và ½ giá trị tài sản của bà S. Bà Th sẽ có trách nhiệm thanh toán cho Cụ Đình Thị X, bà Văn Thị S; bà Nguyễn Thị Hoàng Y; ông Nguyễn Đức T₁; ông Nguyễn Đức T₂ và người đại diện nhận kỹ phần của ông Nguyễn Thanh Q giá trị kỹ phần mà mỗi người được hưởng di sản thừa kế của ông Nguyễn B bằng tiền.

Bà Nguyễn Thị Hoàng Y trình bày: Bà Y thừa nhận tài sản mà ông Nguyễn B để lại gồm hai thửa đất gồm thửa đất số 68, tờ bản đồ số 53 với diện tích 7.872,6 m², đất trồng và thửa đất số 42, tờ bản đồ số 13 với diện tích 1.993,1m², trên đất có cây cà phê kinh doanh. Khi ông B chết không để lại di chúc, nay bà Y yêu cầu Tòa án chia tài sản mà ông B để lại như sau: Chia giá trị tài sản của ông B để lại cho các hàng thừa kế gồm: Cụ Đình Thị X, bà Nguyễn Thị Thanh Th; bà Nguyễn Thị Thanh Ng; bà Nguyễn Thị Hoàng Y; ông Nguyễn Đức T₁; ông Nguyễn Đức T₂ và bà Nguyễn Thị S (vợ của ông Q và các con ông Q). Bà Y nhận phần thừa kế của bà bằng tiền không nhận tài sản là hiện vật. Bà Văn Thị S không được nhận thừa kế của ông B để lại do bà S không còn chung sống với ông B từ năm 1995 đến khi ông B chết.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà Y trình bày: Bà Y thừa nhận di sản mà bố của bà là ông Nguyễn B để lại gồm tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đúng như các nguyên đơn trình bày như trên. Do ông Nguyễn B chết không để lại di chúc nên bà Y yêu cầu Tòa án chia tài sản mà ông B để lại là hai thửa trên như sau: Bà Văn Thị S được nhận ½ giá trị tài sản, còn ½ giá trị tài sản được chia cho các thừa kế của ông B sau khi được trừ đi các nghĩa vụ của ông B để lại và đồng ý nhận kỹ phần của bà Y bằng tiền.

Tại phiên tòa nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý thanh toán cho Đỗ Thị H số tiền 55.000.000 đồng.

Bị đơn bà Đỗ Thị H trình bày: Bà H và ông B chung sống với nhau từ năm 1995 không đăng ký kết hôn, đến 2016 thì ông B chết, bà H thừa nhận tài sản mà ông B để lại gồm thửa đất số 68, tờ bản đồ số 53 với diện tích 7.872,6 m², đất trồng và thửa đất số 42, tờ bản đồ số 13 với diện tích 1.993,1m², trên đất có cây cà phê kinh doanh. Nay trước yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn thì bà H yêu cầu như sau: Bà yêu cầu những người được nhận tài sản của ông B để lại phải thanh toán cho bà 03 chỉ vàng mà trước đây khi ông B, bà S còn sống có mượn của bà Lê Thị N 02 chỉ vàng 9999 và ông Nguyễn S 01 chỉ vàng 9999 (tôi không biết địa chỉ cụ thể của ông S). Số vàng trên bà H đã thanh toán giúp cho ông B, bà S; bà H yêu cầu Tòa án buộc những người được nhận tài sản thừa kế của ông B phải thanh toán cho bà 100.000.000 đồng tiền đầu tư chăm sóc hai thửa đất

trên từ khi bà H về chung sống với ông Nguyễn B. Tại phiên Tòa bà H đồng ý nhận số tiền 55.000.000 đồng và rút toàn bộ yêu cầu phản tố.

Tại biên bản lấy lời khai ông Võ Đình V bà Trần Thị G trình bày: Năm 2010 gia đình ông V, bà G có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn B một thửa đất có diện tích khoảng 800m², thửa đất tọa lạc tại thôn Đ, xã S, huyện K, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 21/2018/QĐST – DS, ngày 22/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô thì các đương sự thỏa thuận giao kỹ phần mà các nguyên đơn được hưởng và ½ giá trị tài sản của bà Văn Thị S là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại các thửa đất số 42, tờ bản đồ số 13 với diện tích 2.335m² và thửa đất số 68 tờ bản đồ số 53 với diện tích 2.873m² cho ông Nguyễn Thanh Q quản lý và sử dụng. Tuy nhiên sau đó khi ông Q đi làm thủ tục đăng ký biến động để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì UBND huyện Krông Nô đã cấp chồng lấn lên toàn bộ thửa đất của gia đình ông V, bà G.

Bà Nguyễn Thị Thanh Ng có đơn từ chối nhận di sản của ông B để lại.

Bà Nguyễn Thị Ch trình bày: Trước đây khi ông Nguyễn B còn sống thì bà Ch có cho ông Nguyễn B, bà Đỗ Thị H vay số tiền 55.000.000 đồng. Đến năm 2018 thì bà Đỗ Thị H đã thanh toán nợ cho bà Ch. Việc tranh chấp thừa kế tài sản giữa các đương sự không liên quan gì đến bà Ch nên bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà Lê Thị N trình bày: Trước đây bà Văn Thị S, ông Nguyễn B có vay của bà N 02 chỉ vàng 9999, sau này bà N đã nhiều lần yêu cầu bà S, ông B trả nợ cho bà N nhưng ông bà không thực hiện. Đến năm 1999 thì bà Đỗ Thị H (bà H chung sống như vợ chồng với ông B) đã trả số vàng trên cho bà N.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khâu thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định. Nguyên đơn, bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đầy đủ các quy định, quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với phần di sản của ông Nguyễn B để lại thì bà Văn Thị S được nhận ½ giá trị tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 68, tờ bản đồ số 53 với diện tích 7.872,6 m², đất trồng và thửa đất số 42, tờ bản đồ số 13 với diện tích 1.993,1m², trên đất có cây cà phê kinh doanh. Còn ½ giá trị tài sản tại hai thửa đất trên được chia đều cho các hàng thừa kế thứ nhất của ông B.

Đối với anh Nguyễn Thanh Q (con trai ông B chết năm 2020) thì những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh Q gồm: Bà Văn Thị S, bà Nguyễn Thị S cùng các con sẽ được hưởng kỹ phần của anh Q.

Đối với bà Nguyễn Thị Thanh Ng từ chối nhận di sản thừa kế, việc từ chối của bà Ng là tự nguyện nên cần chấp nhận.

Về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của ông Nguyễn B để lại gồm: Thừa đất: đất số 68, tờ bản đồ số 53 với diện tích 7.872,6 m², đất trống và thừa đất số 42, tờ bản đồ số 13 với diện tích 1.993,1m². Các thửa đất tọa lạc tại thôn Đ, xã S, huyện K. Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Hội đồng xét xử xác định tranh chấp giữa các nguyên đơn với bị đơn được xác định là “Tranh chấp về thừa kế tài sản”. Bà Đỗ Thị H có địa chỉ tại thôn Th, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

[2]. Xét yêu cầu của các nguyên đơn gồm: Cụ Đinh Thị X, bà Văn Thị S, bà Nguyễn Thị Thanh Th, ông Nguyễn Đức T₁, ông Nguyễn Đức T₂, bà Nguyễn Thị Hoàng Y: Yêu cầu phân chia di sản thừa kế gồm: Thừa đất: đất số 68, tờ bản đồ số 53 với diện tích 7.872,6 m², đất trống và thừa đất số 42, tờ bản đồ số 13 với diện tích 1.993,1m². Các thửa đất tọa lạc tại thôn Đ, xã S, huyện K, cho bà Văn Thị S được nhận ½ giá trị tài sản còn ½ giá trị được chia đều cho hàng thừa kế của ông B.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 31/3/2022 kết quả thể hiện: Thừa đất số 68, tờ bản đồ 53 có diện tích 7.872,6m². Thừa đất có tứ cận phía đông giáp đất ông Nguyễn An V, phía tây giáp đất ông Nguyễn Thanh V, phía nam giáp đất ông Nguyễn An V, phía bắc giáp suối. Tài sản trên đất gồm có: cà phê phục hồi chăm sóc năm thứ 2: 42 cây, điều kinh doanh năm thứ 3 trở đi: 01 cây. Thừa đất số 42 tờ bản đồ số 13 có diện tích 1.993,1m², có tứ cận: Phía đông giáp trạm phát sóng VNPT, phía tây giáp đất bà Trần Thị G, phía Nam giáp suối, phía bắc giáp đường nhựa liên xã. Tài sản trên đất gồm có: cây cà phê phục hồi kinh doanh năm thứ 1 đến năm thứ 2, loại C: 150 cây; Hồ tiêu kinh doanh năm thứ 3 trở đi loại C: 19 trụ; Cây điều kinh doanh năm thứ 3 trở đi loại C: 03 cây; Cây Mắc ca kinh doanh năm thứ 3 trở đi loại C: 02 cây; Cây măng cầu kinh doanh năm thứ 3 trở đi: 01 cây; Cây sầu riêng thường kinh doanh năm thứ 3 trở đi: 01 cây.

Tại chứng thư thẩm định giá tài sản do công ty Thẩm định giá Trung Tín thực hiện ngày 24/8/2022: Thừa đất số 68, tờ bản đồ 53 có diện tích 7.872,6m² và tài sản gắn liền trên đất có giá trị 224.467.000 đồng; Thừa đất số 42, tờ bản đồ số 13 với diện tích 1.993,1m² và tài sản gắn liền trên đất có giá trị 887.015.000 đồng. Tổng giá trị tài sản của hai thửa đất là 1.111.483.000 đồng.

Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế như trên của các nguyên đơn: Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Nguyễn B là con cụ Đinh Thị X, có vợ là bà Văn Thị S (ông B và bà S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1976, có làm đám cưới tại địa phương) và các con là Nguyễn Thị Thanh Th, Nguyễn Thanh Q (chết năm 2020), Nguyễn Thị Thanh Ng,

Nguyễn Thị Hoàng Y, Nguyễn Đức T₁ và Nguyễn Đức T₂. Ngày 04/7/2016 ông B chết không để lại di chúc. Di sản để lại là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất Thửa đất số 68, tờ bản đồ 53 có diện tích 7.872,6m² và thửa đất số 42, tờ bản đồ số 13 với diện tích 1.993,1m². Đất tọa lạc tại thôn Đ, xã S, huyện K. Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Nguyễn B và bà Văn Thị S chung sống với nhau như vợ chồng có tổ chức đám cưới tại địa phương và được gia đình hai bên thừa nhận. Xét hôn nhân của ông B và bà S, Hội đồng xét xử thấy rằng theo quy định tại khoản 1, Điều 9 [Luật hôn nhân và gia đình năm 2014](#) (Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000) quy định về việc đăng ký kết hôn: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”. Tuy nhiên tại điểm a, mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH, ngày 09/6/2000 của Quốc Hội hướng dẫn thi hành về Luật hôn nhân gia đình năm 2000 quy định như sau: “a) Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn. Đến trước thời điểm ngày 03/01/1987 thì ông B và bà S có đủ điều kiện kết hôn, đã tự nguyện tìm hiểu nhau và tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng một thời gian dài, đã thực sự xây dựng gia đình. Như vậy đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện về hôn nhân thực tế được quy định tại điểm d mục 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP, ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Do đó việc ông B với bà S tự nguyện chung sống với nhau từ trước năm 1987 đến khi ông B chết (năm 2016) không có đăng ký kết hôn nhưng vẫn được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Thửa đất số 68, tờ bản đồ 53 có diện tích 7.872,6m² (diện tích thực tế), ông Nguyễn B được cấp năm 2008 và thửa đất số đất số 42, tờ bản đồ số 13 với diện tích 1.993,1m² (diện tích thực tế), ông Nguyễn B được cấp năm 2010. Ông B và bà S chưa ly hôn, đồng thời cũng không có tài liệu chứng cứ chứng minh những tài sản trên là tài sản riêng của ông B. Vì vậy cần xác định những tài sản trên là tài sản chung của ông B và bà S.

Từ những nhận định nêu trên, HĐXX xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các Nguyên đơn gồm: Cụ Đinh Thị X, bà Văn Thị S; bà Nguyễn Thị Thanh Th; bà Nguyễn Thị Hoàng Y; ông Nguyễn Đức T₁; ông Nguyễn Đức T₂ về việc bà Văn Thị S được nhận ½ giá trị tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, còn ½ giá trị tài sản là di sản của ông B để lại được chia theo pháp luật cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: Cụ Đinh Thị X, bà Văn Thị S; bà Nguyễn Thị Thanh Th; bà Nguyễn Thị Hoàng Y, ông Nguyễn Đức T₁; ông Nguyễn Đức T₂.

Đối với ông Nguyễn Thanh Q (đã chết) thì những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Q sẽ được hưởng phần di sản của ông Q gồm: Bà Văn Thị S (mẹ đẻ) và vợ cùng các con của ông Q là bà Nguyễn Thị S, cháu Nguyễn Thị Cẩm T, Nguyễn Anh Tr và Nguyễn Thị Tú Tr. Tuy nhiên những người này không yêu cầu chia nên cần giao cho một người đại diện quản lý.

[3]. Tại phiên Tòa bà Nguyễn Thị Thanh Th có nguyện vọng được quyền quản lý, toàn bộ kỹ phần mà các đương sự được hưởng di sản thừa kế của ông Nguyễn B và ½ giá trị tài sản của bà S. Bà Th sẽ có trách nhiệm thanh toán cho Cụ Đình Thị X, bà Văn Thị S; bà Nguyễn Thị Hoàng Y; ông Nguyễn Đức T₁; ông Nguyễn Đức T₂ và người đại diện nhận kỹ phần của ông Nguyễn Thanh Q giá trị kỹ phần mà mỗi người được hưởng di sản thừa kế của ông Nguyễn B bằng tiền. Xét yêu cầu của bà Th có căn cứ, phù hợp, đồng thời tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn cũng đồng ý giao cho bà Th được quyền quản lý nên cần chấp nhận.

[4]. Đối với việc bà Nguyễn Thị Thanh Ng từ chối nhận di sản: Việc bà Ng từ chối nhận di sản không nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ tài sản của mình đối với người khác nên cần chấp nhận.

[5]. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Đỗ Thị H rút toàn bộ yêu cầu phản tố. Xét thấy việc rút yêu cầu là tự nguyện nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà H.

[6]. Ông Võ Đình V, Trần Thị G không có yêu cầu độc lập nên không xem xét giải quyết

[7]. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản là 29.565.000 đ (*Bốn triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng*). Do các nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được nhận thừa kế di sản của ông B để lại nên phải nộp toàn bộ số tiền trên.

[8] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652, Điều 660, Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các Nguyên đơn gồm: Cụ Đình Thị X, bà Văn Thị S; bà Nguyễn Thị Thanh Th; ông Nguyễn Đức T₁; ông Nguyễn Đức T₂, bà Nguyễn Thị Hoàng Y.

Về phân chia tài sản chung:

Đối với tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 68, tờ bản đồ 53 có diện tích 7.872,6m² có giá trị là 224.467.000 đồng:

Bà Văn Thị S được nhận ½ giá trị tài sản tại thửa đất số 68, tờ bản đồ 53 có diện tích 7.872,6m² có giá trị là 112. 233.500 đồng, làm tròn 112.234.000 đồng. (Giá trị của thửa đất 224.467.000 đồng).

Đối với tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 42, tờ bản đồ số 13 với diện tích 1.993,1m² và tài sản gắn liền trên đất có giá trị 887.015.000 đồng.

Bà Văn Thị S được nhận ½ giá trị tài sản tại thửa đất số 42, tờ bản đồ 13 có diện tích 1.993,1m² có giá trị là 443.507.500 đồng, làm tròn 443.508.000 đồng. (Giá trị của thửa đất 887.015.000 đồng).

Phân chia di sản thừa kế:

Đối với tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 68, tờ bản đồ 53 có diện tích 7.872,6m² có giá trị là 224.467.000 đồng:

Cụ Đinh Thị X, bà Văn Thị S; bà Nguyễn Thị Thanh Th; ông Nguyễn Đức T₁; ông Nguyễn Đức T₂, bà Nguyễn Thị Hoàng Y mỗi người được hưởng mộ kỹ phần bằng nhau có giá trị thành tiền là: 16.033.000 đồng (112.234.000 đồng : 7 người).

Bà Văn Thị S, bà Nguyễn Thị S, cháu Nguyễn Thị Cẩm T, Nguyễn Anh Tr và Nguyễn Thị Tú Tr được nhận di sản có giá trị thành tiền là 16.033.000 đồng (hưởng thừa kế của anh Nguyễn Thanh Q (đã chết).

Đối với tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 42, tờ bản đồ số 13 với diện tích 1.993,1m² và tài sản gắn liền trên đất có giá trị 887.015.000 đồng.

Cụ Đinh Thị X, bà Văn Thị S; bà Nguyễn Thị Thanh Th; ông Nguyễn Đức T₁; ông Nguyễn Đức T₂, bà Nguyễn Thị Hoàng Y mỗi người được nhận: 63.358.000 đồng (443.508.000 đồng : 7 người).

Bà Văn Thị S, bà Nguyễn Thị S, cháu Nguyễn Thị Cẩm T, Nguyễn Anh Tr và Nguyễn Thị Tú Tr được nhận di sản có giá trị thành tiền là 16.033.000 đồng (hưởng thừa kế của anh Nguyễn Thanh Q (đã chết).

Tổng số tài sản mà bà Văn Thị S được nhận có giá trị là: 112. 233.500 đồng + 443.507.500 đồng = 555.741.000 đồng.

Giao cho bà Văn Thị S nhận 16.033.000 đồng + 63.358.000 đồng = 79.391.000 đồng là kỹ phần mà bà Văn Thị S, bà Nguyễn Thị S, cháu Nguyễn Thị Cẩm T, Nguyễn Anh Tr và Nguyễn Thị Tú Tr được nhận di sản thừa kế (hưởng kỹ phần thừa kế của anh Nguyễn Thanh Q (đã chết).

Tổng số tài sản mà cụ Đinh Thị X, bà Văn Thị S; bà Nguyễn Thị Thanh Th; ông Nguyễn Đức T₁; ông Nguyễn Đức T₂ mỗi người được nhận thành tiền: 16.033.000 đồng + 63.358.000 đồng = 79.391.000 đồng.

2. Giao cho bà Nguyễn Thị Thanh Th được quyền quản lý toàn bộ thửa đất số 42, tờ bản đồ số 13 diện tích 2.335m², thửa đất tọa lạc tại thôn Đ, xã S, huyện K, tỉnh Đắk Nông, được UBND huyện Krông Nô cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 271950, ngày 20/7/2010 mang tên ông Nguyễn B; diện tích thực tế theo đo đạc, thẩm định ngày 31/3/2022: 1.993,1m², có tứ cận như sau: Phía đông giáp trạm phát sóng VNPT, phía tây giáp đất bà Trần Thị G, phía Nam giáp suối, phía bắc giáp đường nhựa liên xã; Tài sản trên đất gồm: cây cà phê phục hồi kinh doanh năm thứ 1 đến năm thứ 2, loại C: 150 cây; Hồ tiêu kinh doanh năm thứ 3 trở đi loại C: 19 trụ; Cây điều kinh doanh năm

thứ 3 trở đi loại C: 03 cây; Cây Mắc ca kinh doanh năm thứ 3 trở đi loại C: 02 cây; Cây măng cầu kinh doanh năm thứ 3 trở đi: 01 cây; Cây sầu riêng thường kinh doanh năm thứ 3 trở đi: 01 cây và thửa đất số 68, tờ bản đồ số 53, diện tích 2.873m², tọa lạc tại thôn Đ, xã S, huyện K, tỉnh Đắk Nông, được UBND huyện Krông Nô cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 871454, ngày 01/12/2008 mang tên ông Nguyễn B; diện tích thực tế theo đo đạc, thẩm định ngày 31/3/2022: 7.872,6m², có tứ cận như: phía đông giáp đất ông Nguyễn An V, phía tây giáp đất ông Nguyễn Thanh V, phía nam giáp đất ông Nguyễn An V, phía bắc giáp suối. Tài sản trên đất gồm có: cà phê phục hồi chăm sóc năm thứ 2: 42 cây, điều kinh doanh năm thứ 3 trở đi: 01 cây. Bà Th có trách nhiệm thanh toán cho Cụ Đinh Thị X, bà Văn Thị S; bà Nguyễn Thị Hoàng Y; ông Nguyễn Đức T₁; ông Nguyễn Đức T₂ và người đại diện nhận kỹ phần của ông Nguyễn Thanh Q giá trị kỹ phần mà mỗi người được hưởng di sản thừa kế của ông Nguyễn B bằng tiền, cụ thể: Bà Th phải thanh toán cho cụ Đinh Thị X, bà Văn Thị S; bà Nguyễn Thị Hoàng Y; ông Nguyễn Đức T₁; ông Nguyễn Đức T₂ mỗi người 79.391.642 đồng (làm tròn 79.392.000 đồng, bằng giá trị kỹ phần mà mỗi người được hưởng di sản thừa kế của ông Nguyễn B).

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Văn Thị S, bà Nguyễn Thị S, cháu Nguyễn Thị Cẩm T, Nguyễn Anh Tr và Nguyễn Thị Tú Tr được nhận di sản thừa kế của ông Nguyễn Thanh Q (đã chết) để lại: 79.391.642 đồng (làm tròn 79.392.000 đồng, bằng giá trị kỹ phần mà mỗi người được hưởng di sản thừa kế của ông Nguyễn B). Giao cho bà Văn Thị S được quyền quản lý tài sản trên và bà Th có nghĩa vụ thanh toán cho bà S số tiền trên.

Bà Nguyễn Thị Thanh Th có nghĩa vụ thanh toán cho bà Văn Thị S số tiền 635.132.000 đồng trong đó: 555.741.000 đồng là ½ giá trị tài sản chung của bà Văn Thị S với ông Nguyễn B và 79.391.000 đồng (giá trị kỹ phần mà bà Văn Thị S được hưởng thừa kế từ tài sản ông Nguyễn B).

Bà Nguyễn Thị Thanh Th được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký biến động diện tích đất và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Krông Nô thu hồi:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 937224, người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là ông Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1980, địa chỉ thường trú: Tổ 5 H, xã L, thị xã L, tỉnh Bình Phước, tại thửa đất số 2, tờ bản đồ TĐ 06-2017 với diện tích 7.432,9m² được Ủy ban nhân dân huyện Krông Nô cấp ngày 09/10/2018, số vào sổ cấp GCN: CH 02338.

- Giấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 937223, người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là ông Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1980, địa chỉ thường trú: Tổ 5 H, xã L, thị xã L, tỉnh Bình Phước, tại thửa đất số 1, tờ bản đồ TĐ 06-2017 với diện tích 3.043,3m² được Ủy ban nhân dân huyện Krông Nô cấp ngày 09/10/2018, số vào sổ cấp GCN: CH 02338.

4. Cụ Đinh Thị X, bà Văn Thị S, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Hoàng Y, ông Nguyễn Đức T₁; ông Nguyễn Đức T₂ và Văn Thị S, bà Nguyễn Thị S, cháu Nguyễn Thị Cẩm T, Nguyễn Anh Tr và Nguyễn Thị Tú Tr được nhận di sản thừa kế của ông Nguyễn Thanh Q (đã chết) phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đỗ Thị H số tiền 55.000.000 đồng. Cụ thể: Cụ Đinh Thị X, bà Văn Thị S, bà Nguyễn Thị Thanh Th, ông Nguyễn Đức T₁; ông Nguyễn Đức T₂ và bà Văn Thị S, bà Nguyễn Thị S, cháu Nguyễn Thị Cẩm T, Nguyễn Anh Tr và Nguyễn Thị Tú Tr có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đỗ Thị H số tiền 47.150.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Hoàng Y có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đỗ Thị H số tiền 7.850.000 đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định.

5. Đình chỉ toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Đỗ Thị H về việc yêu cầu những người được nhận di sản thừa kế của ông Nguyễn B phải thanh toán cho bà H 03 chỉ vàng 9999 và 100.000.000 đồng tiền đầu tư chăm sóc trên 02 thửa đất của ông B.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Văn Thị S phải chịu án phí đối với số tiền 635.132.000 đồng (20.000.000 đồng + 4% của 235.132.000 đồng (Phần vượt quá 400.000.000 đồng) = 29.405.340 đồng (làm tròn là 29.405.000 đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

- Bà Văn Thị S phải chịu án phí đối với số tiền 79.392.000 đồng (nhận di sản thừa kế của ông Nguyễn Thanh Q để lại) là 3.969.600 đồng (làm tròn là 3.697.000 đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Thanh Q đã nộp là 6.250.000 đồng theo biên lai số 0003429 ngày 07/02/2017 nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô. Hoàn trả cho bà Văn Thị S số tiền 2.280.000 đồng và số tiền 600.000 tiền tạm ứng án phí mà ông Q đã nộp theo biên lai số 0003461 ngày 14/3/2017 nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

- Cụ Đinh Thị X, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Hoàng Y, ông Nguyễn Đức T₁, ông Nguyễn Đức T₂, mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là (79.392.000 đồng x 5%) = 3.969.600 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

- Bà Đỗ Thị H phải chịu 2.750.000 đồng = (55.000.000 đồng x 5%) án phí dân sự sơ thẩm. Bà H có đơn xin miễn án phí vì là người cao tuổi. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án miễn án phí cho bà Đỗ Thị H.

- Hoàn trả cho bà Đỗ Thị H 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai số 0003087 ngày 12/11/2021 nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

- Hoàn trả bà Đỗ Thị H số tiền 4.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000105 ngày 04/12/2017 (bà Trần Thị G nộp thay) nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

7. Về chi phí tố tụng (chi phí thẩm định và định giá tài sản):

Bà Văn Thị S phải chịu số tiền 14.782.500 đồng. Bà Văn Thị S phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị Thanh Th số tiền 14.782.500 đồng.

Cụ Đinh Thị X, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Hoàng Y, ông Nguyễn Đức T₁; ông Nguyễn Đức T₂ phải chịu 14.782.500 đồng. Bà Nguyễn Thị Thanh Th nhận nộp toàn bộ số tiền trên, được khấu trừ vào số tiền mà bà Th đã nộp.

8. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS H.Krông Nô;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tím